|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH BẮC KẠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Bắc Kạn, ngày tháng 4 năm 2023* |

 **BÁO CÁO**

**Hiện trạng hoạt động Chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn**

**I. HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH BẮC KẠN**

**1. Hiện trạng hạ tầng, nền tảng kỹ thuật:**

*1.1. Hạ tầng, nền tảng kỹ thuật trong phát triển Chính quyền số:*

- Tính đến nay, 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã có mạng Internet và hệ thống mạng nội bộ (LAN); 100% cán bộ, công chức tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được trang bị máy tính làm việc *(tuy nhiên, vẫn còn có các máy tính cấu hình thấp ảnh hưởng tới tốc độ xử lý công việc; số lượng máy tính được cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền còn hạn chế).*

- Tỉnh Bắc Kạn đã hoàn thành nhiệm vụ "Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng tới 100% cấp xã”được giao tại Quyết định số 27/QĐ-UBQGCĐS ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022 đảm bảo đúng tiến độ yêu cầu.

- Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bắc Kạn được thiết kế theo kiến trúc phân lớp bảo mật và sử dụng các công nghệ hiện đại như: VLAN, ảo hóa, cân bằng tải các kết nối Internet…Hệ thống máy chủ ảo hóa của Trung tâm dữ liệu gồm 05 máy chủ vật lý chạy song hành được quản lý tập trung, đang đáp ứng tốt cho hoạt động của các hệ thống dịch vụ và có thể tạo thêm các máy chủ ảo hóa để triển khai các hệ thống dịch vụ. Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đáp ứng yêu cầu sử dụng hiện nay của các hệ thống dịch vụ và ứng dụng của tỉnh như: Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc; phần mềm Một cửa điện tử, Một cửa điện tử liên thông và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ cao; hệ thống thư điện tử công vụ; Cổng Thông tin điện tử (TTĐT) tỉnh; phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động; hệ thống lưu trữ điện tử...Ngoài ra, phòng máy chủ Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Kạn được duy trì hoạt động với 16 máy chủ vận hành hệ thống CSDL môi trường và hệ thống tiếp nhận, xử lý số liệu quan trắc tự động, liên tục nước, khí thải trên địa bàn tỉnh, hệ thống CSDL đất đai và hệ thống Kho tư liệu tài nguyên môi trường.

- Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Bắc Kạn đã được mở rộng đến 108 xã, phường, thị trấn. Từ đầu năm 2022 đến nay, hệ thống đã phục vụ hơn 50 cuộc họp trực tuyến của tỉnh (*bao gồm các cuộc họp được kết nối từ điểm cầu trung ương đến tỉnh*).

*- Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc, sử dụng văn bản điện tử và sử dụng chữ ký số chuyên dùng:*

Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TDOffice) đã được tỉnh triển khai đến 100% cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể ở cả 3 cấp và các cơ quan, đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Năm 2021, hệ thống này tiếp tục được mở rộng đến 100% các trường học trên địa bàn tỉnh nâng tổng số đầu mối đơn vị sử dụng lên 1.476 đơn vị. Hệ thống đảm bảo liên thông gửi - nhận văn bản 4 cấp qua trục liên thông văn bản quốc gia. Trong năm 2021, đã có trên 2 triệu văn bản được gửi nhận qua phần mềm, trong đó có trên 20 nghìn văn bản được gửi đến các cơ quan, đơn vị ngoài tỉnh qua trục liên thông văn bản. Tỷ lệ trao đổi văn bản hoàn toàn dưới dạng điện tử đối với cấp tỉnh, huyện đạt trên 90% và đối với cấp xã đạt khoảng 60%.

Tuy nhiên để nâng cao độ bảo mật an toàn thông tin cũng như ứng dụng các phần mềm mới vào quá trình chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, từ tháng 01/2022 tỉnh triển khai dùng thử phần mềm Quản lý văn bản và điều hành VNPT - iOffice của Tập đoàn VNPT ở cả 3 cấp. Đến nay, đã tạo 83 site tương ứng 68 đơn vị; khởi tạo 12.048 tài khoản người dùng trên toàn tỉnh.

*- Hệ thống "Một cửa điện tử", "Một cửa điện tử liên thông" và DVCTT mức độ cao:*

Hệ thống "Một cửa điện tử", "Một cửa điện tử liên thông" và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ cao (*sau đây gọi tắt là Hệ thống Một cửa điện tử*): Hệ thống được triển khai theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin từ cuối năm 2017 và do 02 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, cụ thể: Viễn thông Bắc Kạn (VNPT Bắc Kạn) triển khai cho 04 sở, ban, ngành và 06 huyện[[1]](#footnote-1) (bao gồm các xã, thị trấn) và Công ty Cổ phần Tin học Tân Dân triển khai cho 13 Sở, ban, ngành và 02 huyện, thành phố[[2]](#footnote-2) (bao gồm các xã, phường, thị trấn). Tổng số đầu mối đơn vị sử dụng hiện nay là 133 đơn vị. Từ năm 2021 trở về trước, Hệ thống Một cửa điện tử được kết nối liên thông với phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TDOffice), kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) được gửi trình ký, phát hành trên phần mềm TDOffice và gửi liên thông sang Hệ thống một cửa. Hiện tại, quy trình này liên thông giữa phần mềm Quản lý điều hành Ioffice (được triển khai thử nghiệm trên toàn tỉnh từ đầu năm 2022) do VNPT Bắc Kạn và các đơn vị triển khai Hệ thống Một cửa điện tử thực hiện cấu hình. Hệ thống Một cửa điện tử đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư từ ngày 27/3/2023, đảm bảo việc tra cứu dữ liệu công dân khi thực hiện các TTHC.

- Hệ thống thư điện tử công vụ: Được triển khai chung cả tỉnh, hệ thống đã cấp gần 7.000 tài khoản. Đến hết năm 2022, tỷ lệ sử dụng hòm thư trung bình trong tháng đạt trên 85%, hầu hết cán bộ, công chức, viên chức đã có thói quen chỉ sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc chuyên môn.

- Quản lý, sử dụng chứng thư số chuyên dùng: 100% cán bộ, công chức lãnh đạo, các cơ quan nhà nước, Ủy ban MTTQ và các hội, đoàn thể từ cấp tỉnh đến cấp xã được cấp chứng thư số chuyên dùng đảm bảo tính pháp lý, an toàn dữ liệu trong việc ký số và trao đổi văn bản điện tử, các giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước. Tổng số chữ ký số chuyên dùng được cấp toàn tỉnh đến nay là 5.511 chứng thư *(1.132 chứng thư số tổ chức và 4.300 chứng thư số cá nhân)*. Đến nay, đã được cấp 233 sim ký số di động PKI.

*1.2. Hạ tầng, nền tảng kỹ thuật trong phát triển Kinh tế số:*

Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng TMĐT, ngành Công Thương đã chú trọng triển khai các Đề án phát triển thương mại điện tử như: Xây dựng và vận hành phần mềm DVCTT mức độ 3 cho một số lĩnh vực cấp phép (*năm 2016*); xây dựng Hệ thống CSDL Công nghiệp và Thương mại tỉnh Bắc Kạn là những thông tin, số liệu về công nghiệp và thương mại của tỉnh Bắc Kạn (*năm 2017*); hỗ trợ 7 Hợp tác xã xây dựng website TMĐT (*năm 2018*), hỗ trợ 6 đơn vị sản xuất kinh doanh xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu khách hàng (*năm 2019*) và tham mưu UBND tỉnh Đề án Quản lý khoáng sản kim loại vận chuyển tại các bàn cân điện tử, cửa mỏ thông qua hệ thống camera giám sát trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn nhằm ứng dụng CNTT để quản lý khối lượng khoáng sản khai thác, vận chuyển của các doanh nghiệp, tăng cường công tác quản lý nhà nước và chống thất thu thuế của ngân sách nhà nước. Trong năm 2020, Sở Công Thương triển khai Đề án “Xây dựng website thông tin giao dịch điện tử ngành Công Thương Bắc Kạn” và Đề án “Ứng dụng giải pháp quản lý bán hàng thông minh cho các nhà bán lẻ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn” nhằm giúp cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh quảng bá, tiếp thị hiệu quả hơn, xây dựng hình ảnh và tiêu thụ sản phẩm trên môi trường trực tuyến tốt, hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, để phát triển nông nghiệp thông minh, nhiều hợp tác xã ở tỉnh Bắc Kạn đã mạnh dạn ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ cao vào sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, điển hình như hợp tác xã Nông nghiệp Thanh niên Như Cố, hợp tác xã Nhung Lũy, hợp tác xã Thiên An...Nắm bắt được những lợi thế của thương mại điện tử trong việc phát triển kinh tế, các hợp tác xã đã tích cực sử dụng các sàn thương mại điện tử phổ biến như vnpostmark, voso.vn, lazada, shopee..., hoặc các trang web tự xây dựng của tỉnh như sàn thương mại điện tử tỉnh Bắc Kạn (backanmarket.vn), các trang web cá nhân của từng đơn vị để quảng bá cũng như buôn bán các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của địa phương.

Mã vạch QR code được sử dụng để truy xuất nguồn gốc sản phẩm, giúp người dùng theo dõi được toàn bộ quá trình sản phẩm từ những khâu đầu vào cho tới đầu ra, giúp nâng cao độ tin tưởng của khách hàng trên mọi miền tổ quốc đối với các sản phẩm của tỉnh.

*1.3. Hạ tầng, nền tảng kỹ thuật trong phát triển Xã hội số:*

Mạng lưới viễn thông đã kết nối thông suốt 3 cấp phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị, địa phương, đáp ứng cơ bản nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT của người dân, doanh nghiệp, cụ thể: 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng di động 2G/3G/4G; quang hóa 100% hạ tầng đường truyền tới các cơ quan, đơn vị, địa phương; 100% cơ quan, đơn vị, địa phương được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng và được chuẩn hóa kết nối giám sát 4 cấp hành chính; số thuê bao điện thoại đạt 284.135 thuê bao (*trong đó, thuê bao điện thoại cố định đạt 4.567, thuê bao điện thoại di động đạt 279.568 thuê bao*); số thuê bao điện thoại smartphone đạt 192.579; mật độ điện thoại đạt 90,5 máy/100 dân. Số thuê bao internet đạt 224.065 thuê bao, mật độ thuê bao internet đạt 62 thuê bao/100 dân. Toàn tỉnh hiện có 6.233 km cáp quang, 672 trạm BTS, 07 cột ăng ten sử dụng chung cơ sở hạ tầng, 01 trạm điều khiển thông tin di động BS.

**2. Hiện trạng cơ sở dữ liệu**

Hiện nay, tỉnh Bắc Kạn đang tiếp tục duy trì, cập nhật dữ liệu cho các CSDL đã triển khai như: Số hóa tài liệu; CSDL về cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng; CSDL đất đai; CSDL môi trường; Kho CSDL tài nguyên môi trường; CSDL ngành giáo dục; CSDL quản lý giấy phép lái xe; CSDL về giá; CSDL hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử người dân; CSDL công chứng; CSDL quy hoạch xây dựng; CSDL du lịch, cụ thể:

- Số hóa tài liệu: Xây dựng, triển khai phần mềm Quản lý hồ sơ lưu trữ (*đưa vào sử dụng từ tháng 12/2019*), đồng thời tích hợp với phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc để thực hiện việc kết nối và chuyển các hồ sơ văn bản phải lưu trữ theo quy định sang hệ thống quản lý hồ sơ lưu trữ điện tử. Đến nay, đã số hóa và đưa vào lưu trữ điện tử được 171 hộp hồ sơ. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 797/KH-UBND ngày 31/12/2020 về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, địa phương giai đoạn 2020 - 2025, hiện đã có 22 sở, ngành, địa phương ban hành kế hoạch triển khai thực hiện. Thực hiện kế hoạch, Dữ liệu về kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, địa phương đang được số hoá và cập nhật vào CSDL này.

- CSDL về cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng: Hệ thống và CSDL đưa vào sử dụng từ tháng 12/2019 với 146 đơn vị sử dụng, đã cập nhật được trên 12.000 hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh. Tính đến thời điểm hiện tại, dữ liệu này được tạo lập tương đối hoàn chỉnh.

- CSDL đất đai: Duy trì hoạt động CSDL đất đai của 04/08 huyện, thành phố gồm: Ngân Sơn, Chợ Đồn, Na Rì và thành phố Bắc Kạn; xây dựng CSDL cho 02 huyện (Ba Bể, Pác Nặm). Các nghiệp vụ chuyên môn về quản lý đất đai được thao tác và xử lý trực tiếp trên phần mềm và thực hiện trên môi trường mạng. CSDL đất đai được đưa vào hoạt động đã phục vụ tốt công tác chỉnh lý biến động đất đai, cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai nhanh gọn, chính xác. Hiện đang thực hiện việc khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán xây dựng CSDL đất đai đối với 02 huyện còn lại (Chợ Mới, Bạch Thông), dự kiến đến năm 2023 hoàn thành việc xây dựng CSDL đất đai của 08/08 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- CSDL môi trường: Xây dựng và đưa vào hoạt động từ năm 2020, phần mềm đã đáp ứng các yêu cầu quản lý, khai thác sử dụng, cập nhật dữ liệu môi trường; tạo lập được bộ CSDL môi trường thống nhất từ việc chuẩn hóa, đồng bộ; kiểm soát ô nhiễm môi trường và các tai biến thiên nhiên; phổ biến thông tin dữ liệu môi trường tỉnh Bắc Kạn đến nhiều đối tượng sử dụng; triển khai CSDL và Hệ thống hệ thống tiếp nhận, quản lý số liệu quan trắc tự động, liên tục nước, khí thải trên địa bàn tỉnh để tiếp nhận thông tin dữ liệu môi trường từ các cơ sở sản xuất phục vụ công tác kiểm soát, giám sát môi trường kịp thời phát hiện ô nhiễm để có biện pháp xử lý, đồng thời truyền tải thông tin dữ liệu về Trung ương.

- Kho CSDL tài nguyên môi trường: Từ năm 2012, tỉnh đã triển khai nhiệm vụ số hoá kho dữ liệu về tài nguyên và môi trường để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường và để lưu trữ theo quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đảm bảo an toàn. Hiện nay, CSDL tiếp tục được mở rộng, cập nhật thường xuyên.

- CSDL ngành giáo dục: 100% các trường học trên địa bàn tỉnh đã được điện tử hóa các loại sổ sách quản lý *(kế hoạch dạy học, thời khóa biểu, sổ điểm, học bạ, sổ liên lạc, quản lý xét tốt nghiệp THCS, thi và xét tuyển sinh vào lớp 10, thi nghề phổ thông, thi chọn học sinh giỏi các cấp...)* bằng phần mềm giúp giảm thiểu được hệ thống hồ sơ, sổ sách giấy, thống kê của nhà trường, tạo lập được CSDL thông suốt trong ngành; tạo lập CSDL văn bằng, chứng chỉ đã cấp cho người học; tạo lập CSDL chất lượng giáo dục các trường trong tỉnh.

- CSDL quản lý giấy phép lái xe: UBND tỉnh Bắc Kạn đã chỉ đạo Sở Giao thông vận tải đẩy mạnh việc triển khai cập nhật CSDL quản lý giấy phép lái xe để tạo điều kiện cho cán bộ, người dân và cơ quan quản lý giao thông thuận tiện trong việc tra cứu thông tin, xử lý vi phạm. Hệ thống được kết nối CSDL với 02 cơ sở đào tạo lái xe trên địa bàn tỉnh và kết nối đồng bộ dữ liệu với Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải các tỉnh. Hiện nay, hệ thống đã cập nhật 47.675 hồ sơ cấp mới, 83.181 hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe.

- CSDL về giá: Tỉnh đang giao Sở Tài chính Bắc Kạn quản lý, sử dụng. Hiện nay 07 Sở (gồm: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải) và 8 huyện, thành phố đã duy trì sử dụng và cập nhật thông tin dữ liệu về giá của các lĩnh vực được giao trên địa bàn tỉnh vào hệ thống.

- CSDL hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử người dân: Hệ thống Quản lý hồ sơ sức khỏe toàn dân hiện được duy trì triển khai tại 129 đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh. Hệ thống đã được kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống nền tảng trong phòng, chống dịch COVID-19, cập nhật và hiển thị kịp thời thông tin, dữ liệu liên quan đến tiêm chủng cho người dùng.

- CSDL công chứng: Đã được triển khai cho các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn quản lý, khai thác, sử dụng tương đối hiệu quả.

- CSDL quy hoạch xây dựng: Đã hoàn thiện số hóa 9/9 Đồ án quy hoạch chung, các đồ án quy hoạch chi tiết, quy hoạch nông thôn mới dạng GIS. CSDL GIS bước đầu được đưa vào quản lý, khai thác sử dụng trong công tác công bố thông tin quy hoạch; Sở Xây dựng đang tiếp tục cập nhật vào CSDL các đồ án được phê duyệt điều chỉnh trong giai đoạn 2016-2022.

- CSDL du lịch: Được xây dựng và chính thức đi vào hoạt động từ năm 2021, CSDL du lịch đang được giao cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý, sử dụng.

Bên cạnh đó, tỉnh đang tiếp tục duy trì sử dụng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) do Bộ Thông tin và Truyền thông hỗ trợ từ năm 2019 và triển khai kết nối, đưa vào khai thác 03/13 dịch vụ chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP). Đối với các dịch vụ còn lại đang trong quá trình từng bước hoàn thiện việc kết nối theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành chủ quản hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL). Trong năm 2021, tỉnh Bắc Kạn đã kết nối thử nghiệm thành công và năm 2023 kết nối chính thức đến CSDL quốc gia về dân cư và tích hợp dịch vụ công của tỉnh lên hệ thống thanh toán trực tuyến Paygov của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Qua đánh giá, hiện tại, tỉnh chỉ có Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh được kết nối đến 12 hệ thống thông tin, CSDL quốc gia được triển khai trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) phục vụ cho giải quyết thủ tục hành chính *và* có 03 CSDL *(gồm: CSDL về giá, CSDL ngành giáo dục, CSDL quản lý giấy phép lái xe)* có kết nối, chia sẻ dữ liệu đến hệ thống chuyên ngành của Bộ chủ quản; còn lại các CSDL khác chưa thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Bộ, ngành trung ương, đồng thời giữa các CSDL này cũng chưa có sự kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu.

Các dữ liệu chuyên ngành hiện có của tỉnh đang được các đơn vị sử dụng còn rải rác, phân tán, chưa được chuẩn hóa và tập hợp thành dữ liệu chung, chủ yếu phục vụ cho hoạt động quản lý của chính ngành chủ quản; trong quá trình sử dụng các dữ liệu chưa được tích hợp, liên thông, chia sẻ với Cổng dịch vụ công trực tuyến cũng như có thể chia sẻ để các ngành, địa phương, người dân và doanh nghiệp cùng khai thác, sử dụng. Đồng thời dữ liệu hiện nay tại các ngành chủ yếu là dạng văn bản chưa được số hóa, chuẩn nên dữ liệu chư đầy đủ.

**3. Hoạt động chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp**

*3.1. Cổng dịch vụ công của tỉnh Bắc Kạn:*

Công dịch vụ công của tỉnh Bắc Kạn được duy trì hoạt động ổn định. Năm 2021, tỉnh đã triển khai kết nối thành công đến 03 CSDL/hệ thống thông tin có phạm vi từ trung ương đến địa phương, trong đó có CSDL quốc gia về dân cư, phục vụ việc xác thực thông tin công dân trong giải quyết TTHC; đưa vào sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử PayGov. Bên cạnh đó, tỉnh đã kết nối và đưa vào khai thác sử dụng dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính. Đây là dịch vụ rất quan trọng, phục vụ đắc lực cho việc tăng cường sử dụng DVCTT mức độ 3, 4 và từng bước tạo lập hệ thống CSDL điện tử cho người dân. Đến nay, 100% huyện/thành phố, xã, phường, thị trấn, các phòng Tư pháp huyện/thành phố và Sở Tư pháp có cán bộ chuyên môn được cấp quyền sử dụng dịch vụ này thông qua tài khoản đăng ký trên hệ thống Cổng DVC quốc gia. Đến hết năm 2021, đã phát sinh 377 hồ sơ yêu cầu chứng thực bản sao điện tử từ bản chính. Số lượng này trong quý I/2022 là 177 hồ sơ.

 Về việc cung cấp DVCTT mức độ 3, 4: Đến nay, tỉnh có 1.293 DVCTT mức độ 4, chiếm tỷ lệ 70,9 % và 70 DVCTT mức độ 3, chiếm tỷ lệ 3,84 %*(tăng 276 DVCTT mức độ 4 so với năm 2020)*. Số lượng hồ sơ DVCTT cũng tăng lên so với năm trước: Tổng số hồ sơ trực tuyến đã phát sinh là 31.396 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 15,5% tổng số hồ sơ TTHC phát sinh của tỉnh *(so với năm 2020, số lượng hồ sơ trực tuyến tăng lên 10.632 hồ sơ, tuy nhiên, tính trên tổng số hồ sơ đã phát sinh, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến giảm 3,11% (số lượng hồ sơ trực tuyến năm 2020 là 27.725 hồ sơ, đạt tỷ lệ 18,61%)).*

Trong năm 2021, tỉnh đã tích hợp 935 TTHC của tỉnh trên cổng DVC quốc gia, đạt tỷ lệ 68,6 % tổng số DVCTT mức 3,4, đạt 51,3 % tổng số TTHC của tỉnh.

- Hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử được nâng cấp và ngày càng hoàn thiện. Đến nay, số lượng người dân được tạo lập dữ liệu là 353.785 hồ sơ, 100% hồ sơ ban đầu của người dân trong tỉnh được cập nhật trên hệ thống; 91% người dân đã được chuẩn hóa các thông tin hành chính*.*

*3.2. Về hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử:*

Số lượng người dân được tạo lập dữ liệu là 353.785 hồ sơ sức khỏe; 100% hồ sơ ban đầu của người dân trong tỉnh được cập nhật trên hệ thống; 91% người dân đã được chuẩn hóa các thông tin hành chính; số lượng người cài đặt ứng dụng di động Sức khỏe điện tử là 29.674 thuê bao trên tổng số 192.579 điện thoại thông minh (smartphone) của tỉnh. UBND tỉnh đã giao Sở Y tế đã chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh chuẩn hóa làm sạch dữ liệu hồ sơ sức khỏe cá nhân đảm bảo mỗi người dân có duy nhất 01 hồ sơ sức khỏe.

*3.3. Hệ thống wifi công cộng:*

Được triển khai tại 28 điểm bao gồm 62 thiết bị đầu cuối (trong đó 62 thiết bị Outdoor và 62 thiết bị indoor) tập trung vào những nơi người dân có nhu cầu giao dịch, cập nhật các thủ tục hành chính công của tỉnh; phục vụ các nhu cầu tìm kiếm và khai thác thông tin... của du khách, người dân và doanh nghiệp.

*3.4 Kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư:*

Tỉnh Bắc Kạn đã triển khai các ứng dụng của thẻ Căn cước công dân (CCCD) gắn chip điện tử trong xác định danh tính phục vụ người dân và doanh nghiệp, cụ thể: Ứng dụng VNeID được tích hợp thông tin về CCCD gắn chip, thông tin thẻ bảo hiểm y tế, thông tin về đăng ký xe, giấy phép lái xe, mã số thuế. Việc sử dụng thẻ CCCD để xác minh thông tin, chi trả trợ cấp qua CSDL quốc gia về dân cư cho người thuộc diện trợ cấp Covid-19 theo Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ. Có tổng số 721 trường hợp được chi trả trợ cấp.

Việc sử dụng thẻ CCCD thay thế cho Bảo hiểm y tế để phục vụ khám chữa bệnh đã được tỉnh thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Y tế, có 395lượt công dân sử dụng thẻ CCCD để thực hiện khám, chữa bệnh trên địa bàn.

Hiện nay, hệ thống "Một cửa điện tử", "Một cửa điện tử liên thông" và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ cao đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư từ ngày 27/3/2023, tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa các cấp trong việc tra cứu dữ liệu công dân khi giải quyết TTHC, góp phần thực hiện nghiêm Luật Cư trú, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ trong việc không yêu cầu người dân xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến.

*3.5. Việc thanh toán không dùng tiền mặt:*

- Sở Y tế triển khai Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện, thành phố bắt buộc phải triển khai thanh toán không dùng tiền mặt thông qua các hình thức như: Thanh toán viện phí bằng mã QR; thanh toán bằng phương thức POS có tích hợp với hệ thống thông tin bệnh viện (HIS) để tự động “gạch nợ” trực tiếp các hóa đơn viện phí phát sinh theo mã số bệnh nhân; thanh toán viện phí trên App của các ngân hàng hoặc thanh toán bằng các hình thức khác.

- Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, chỉ đạo về việc thanh toán không dùng tiền mặt trong ngành Giáo dục. Theo đó, các cơ sở giáo dục đang triển khai thực hiện và phối hợp với ngân hàng để thực hiện thanh toán dùng tiền mặt.

- Các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh đã triển khai đồng bộ, phát triển các sản phẩm thanh toán mới với công nghệ ngân hàng số, công nghệ định danh và nhận biết khách hàng điện tử (eKYC) như xác thực sinh trắc học (*vân tay, khuôn mặt*); thanh toán trên nền mã phản hồi nhanh (QR Code), mã hóa thông tin thẻ, thanh toán phi tiếp xúc...Đến nay trên địa bàn tỉnh có 34 máy ATM, 72 thiết bị POS được lắp đặt tại thành phố và khu vực trung tâm các huyện, trong đó có 01 máy giao dịch tự động CDM (Cash Deposit Machine) của Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT cho phép khách hàng gửi tiền trực tuyến, rút tiền, chuyển khoản, thanh toán hóa đơn... Tại các ngân hàng thương mại đã có 108.941 người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại các ngân hàng với 158.561 tài khoản được mở; số lượng thẻ thanh toán được mở là 178.120 thẻ; giá trị giao dịch thanh toán qua tài khoản đạt 12.482 tỷ đồng.

*3.6. Về hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử:*

UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các doanh nghiệp (*Viettel Bắc Kạn, VNPT Bắc Kạn, Bưu điện Bắc Kạn*) hoạt động trên địa bàn tỉnh hướng dẫn công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, đại diện các hộ sản xuất kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh cách tạo tài khoản và đăng ký gian hàng trực tuyến để giao dịch, mua bán hàng trên sàn thương mại điện tử Posmart.vn, Voso.vn; cách tạo tài khoản ví điện tử của Viettel, VNPT, Mobiphone. Tính đến nay, toàn tỉnh có 72.473 hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản và hoạt động tích cực trên sàn thương mại điện tử; 79.433 hộ được đào tạo kỹ năng số; 798 sản phẩm được đưa lên sàn thương mại điện tử; 12.736 giao dịch trên sàn thương mại điện tử (tỷ lệ giao dịch đạt 18%).

*3.7. Phổ cập hóa đơn điện tử; hợp đồng điện tử:*

Hiện nay, tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%, đạt chỉ tiêu Kế hoạch của Ban chỉ đạo giao năm 2022; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử vẫn duy trì ở mức 1%.

*3.8. Hỗ trợ tư vấn chuyển đổi số trong doanh nghiệp:*

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai các giải pháp hỗ trợ công nghệ và hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh; đề nghị các doanh nghiệp gửi hồ sơ tham gia chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa 500 triệu đồng; hỗ trợ hợp đồng thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa 500 triệu đồng; hỗ trợ một tỷ đồng đối với hợp đồng dịch vụ tư vấn về nhân sự, tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp thông qua mạng lưới tư vấn viên.

Với sự hỗ trợ, tư vấn của cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đã từ bước nhận thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số đối với sự phát triển của doanh nghiệp trong điều kiện cạnh tranh thị trường mạnh mẽ như hiện nay. Đa số các doanh nghiệp đã có những hoạt động đầu tư vào chuyển đổi số, đổi mới công nghệ. Tuy nhiên, hiện nay mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp tỉnh Bắc Kạn chưa nhiều, cần sự quan tâm và hỗ trợ hơn nữa của các cấp các ngành.

\* Tóm lại, việc triển khai các hoạt động chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thời gian qua đã được các đơn vị, địa phương tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện đã góp phần nâng cao nhận thức cũng như khuyến khích sự tham gia của người dân và doanh nghiệp cùng với chính quyền các cấp thực hiện quá trình chuyển đổi số. Giúp rút ngắn thời gian, chi phí đi lại của người dân, doanh nghiệp cũng như nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cụ thể:

Hiện nay các đơn vị cung cấp dịch vụ điện nước, viễn thông và truyền thông chấp nhận thanh toán phí dịch vụ qua phương tiện điện tử. Một số các siêu thị, trung tâm mua sắm và cơ sở phân phối hiện đại có sử dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Phần lớn người tiêu dùng đã hướng đến hình thức mua sắm trực tuyến thông qua các sàn thương mại điện tử, mạng xã hội, các ứng dụng thương mại điện tử bán hàng và các website thương mại điện tử bán hàng...; đặc biệt trong thời gian qua do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, người tiêu dùng có xu hướng tăng cường mua sắm qua các kênh thương mại điện tử bên cạnh lựa chọn các kênh mua sắm truyền thống. Các phương thức thanh toán trong thương mại điện tử khá đa dạng và tiện dụng cho cả doanh nghiệp và người tiêu dùng như COD, thanh toán qua thẻ, thanh toán điện tử (*cổng thanh toán, ví điện tử, tổ chức thanh toán trung gian*) đã tạo điều kiện cho TMĐT phát triển mạnh trong thời gian qua.

Các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh đã chủ động tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử để trao đổi, mua bán và xây dựng website để quảng bá thương hiệu, sản phẩm, trong đó: 100% các doanh nghiệp đã có giao dịch TMĐT, 80% doanh nghiệp sử dụng thường xuyên thư điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh; 50% có trang thông tin điện tử, cập nhật thường xuyên thông tin hoạt động và quảng bá sản phẩm của doanh nghiệp; 40% tham gia các trang thông tin điện tử để mua bán các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; 30% ứng dụng các phần mềm chuyên dụng trong hoạt động quản lý sản xuất và kinh doanh...

*(Có danh mục các hoạt động ứng dụng CNTT chuyển đổi số đã triển khai thực hiện từ năm 2022 trở về trước đến nay và đang thực hiện)*

**II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Với việc chỉ đạo, đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thời qua đã giúp chỉ số xếp hạng DTI của tỉnh Bắc Kạn tăng đáng kể so với năm 2020, năm 2021 tỉnh Bắc Kạn đứng thứ 51 trên toàn quốc về chỉ số xếp hạng chuyển đổi số; đứng thứ 55 toàn quốc về chính quyền số; đứng thứ 39 toàn quốc về kinh tế số; đứng thứ 42 toàn quốc về xã hội số.

Tuy nhiên, so với các tỉnh/thành phố khác trong cả nước, điểm xếp hạng các chỉ số thành phần về thể chế số, an toàn thông tin mạng và nhóm chỉ số hoạt động của chính quyền số, xã hội số còn thấp, cụ thể: Nhóm chỉ số thành phần về hoạt động của chính quyền số xếp hạng 62/63; thể chế số xếp hạng 57/63; an toàn thông tin mạng xếp hạng 54/63; hoạt động xã hội số xếp hạng 50/63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Nguyên nhân do:

- Tỉnh chưa có kho dữ liệu dùng chung, chưa xây dựng cổng dữ liệu mở của tỉnh; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính chưa đáp ứng yêu cầu chức năng toàn trình, tính năng kỹ thuật theo quy định, việc liên thông giữa 2 phần mềm giải quyết thủ tục hành chính và liên thông với cổng dịch vụ công quốc gia còn nhiều hạn chế.

- Việc kết nối, chia sẻ và đưa vào khai thác sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có phạm vi từ trung ương đến địa phương còn chậm, chưa khai thác sử dụng một cách đồng bộ, hiệu quả.

- CSDL của các ngành hiện có cũng chưa đầy đủ, có thiếu sót, có sự sai lệch, thiếu tính chuẩn xác; các hệ thống dữ liệu không kết nối với nhau, chưa có tính đối soát để kiểm chứng dữ liệu; còn phân tán, nhỏ lẻ, thiếu tính chia sẻ, chưa hình thành được kho CSDL có khả năng tổng hợp, thống kê, phân tích, dự báo và phục vụ cho công tác quản lý chung và chưa hỗ trợ, phục vụ tốt cho người dân.

- Hệ thống mạng LAN của các đơn vị, địa phương chưa đảm bảo yêu cầu chất lượng đường truyền, bảo mật; tỉnh chưa hình thành mạng diện rộng (WAN) một cách đồng bộ. Ở cấp xã cũng như tại đơn vị cấp tỉnh *(Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường)* còn sử dụng một số máy tính cũ, có cấu hình thấp, không đáp ứng với nhu cầu làm việc trên môi trường mạng như hiện nay; hệ thống thông tin của một số đơn vị trên chưa đáp ứng một số quy định mới về chức năng, tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Việc sử dụng MCU ảo của Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh còn một số hạn chế trong quá trình sử dụng như: MCU đang đặt tại Trung tâm công nghệ cao Hòa Lạc của Tập đoàn Viettel, nếu có phát sinh sự cố nhân sự vận hành tại tỉnh phải thông qua trung gian để xử lý dẫn đến việc khắc phục chưa kịp thời, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc họp, việc sử dụng MCU chung cho rất nhiều đơn vị, nhiều tỉnh trong toàn quốc, do đó về sự bảo mật, sự an toàn chưa đáp ứng yêu cầu.

- Tỷ lệ TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến và tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến của một số đơn vị, địa phương chưa đạt chỉ tiêu giao; tỷ lệ người dân và doanh nghiệp tham gia các hoạt động chuyển đổi số còn thấp.

- Việc đảm bảo an toàn thông tin cho hoạt động chuyển đổi số chưa được triển khai đồng bộ; các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã trong chuyển đổi số còn hạn chế cả về số lượng và hình thức triển khai.

- Đội ngũ nhân lực công nghệ thông tin còn ít về số lượng, chất lượng chưa cao, việc đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT còn hạn chế nên năng lực quản trị hệ thống, tham mưu trong triển khai các hoạt động về chuyển đổi số còn khó khăn

**III. YÊU CẦU VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG THỜI GIAN TỚI**

Trên cơ sở hiện trạng chuyển đổi số của tỉnh Bắc Kạn, căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 17/QĐ-UBQGCĐS ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số năm 2023; Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 và thực tế, nhu cầu chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương, UBND tỉnh dự kiến triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025 và năm 2023 theo 04 nhóm nhiệm vụ ưu tiên sau:

1. Nhóm nhiệm vụ phát triển hạ tầng dùng chung.

2. Nhóm nhiệm vụ phục vụ cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước.

3. Nhóm nhiệm vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

4. Nhóm nhiệm vụ về chuyển đổi số nhận thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

*(Chi tiết tại Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2022 – 2025 và Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 gửi kèm)*

 Trên đây là báo cáo hiện trạng hoạt động Chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- TT Tỉnh ủy (b/c);- TT HĐND tỉnh (b/c);- CT, các PCT UBND tỉnh;- Sở TT&TT;- Sở Tài chính;- LĐVP;- Lưu: VT, TH (Lan). | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** **Nguyễn Đăng Bình** |

1. Gồm: Các Sở: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Nội vụ và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh. Các huyện: Bạch Thông, Chợ Mới, Chợ Đồn, Ngân Sơn, Na Rì và Pác Nặm. [↑](#footnote-ref-1)
2. Gồm: Các Sở: Công thương; Giao thông Vận tải; Kế hoạch và Đầu tư; Khoa học và Công nghệ; Lao động Thương binh và Xã hội; Nông nghiệp và PTNT; Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Thông tin và Truyền thông; Tư pháp; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Xây dựng; Ban Dân tộc. Các huyện/thành phố: Thành phố Bắc Kạn và Huyện Ba Bể. [↑](#footnote-ref-2)